

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 07/02/2023.

V/v “Ly hôn, nuôi con chung”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH TIỀN GIANG.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cao Thị Thu Thủy**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Bùi Thị Thu Nhi**.

2/ Bà **Nguyễn Thị Loan**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Kiều**, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q tham gia phiên tòa: Bà **Ngô Thị Cẩm Thuý** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 720/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXX-ST ngày 10/01/2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Chị Nguyễn Lê Thị A** - sinh năm: 1998.

Địa chỉ: ấp Long Thới, xã M, huyện N, tỉnh Tiền Giang.

* *Bị đơn:* **Anh Khuru Vĩnh Xuân T** - sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Số 120 Ấp Bắc, Phường 4, thành phố Q, tỉnh Tiền Giang.

(Chị A có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Lê Thị A trình bày: Chị và anh T sống chung vào năm 2019, do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long An, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang vào ngày 22/01/2019. Cuộc sống chung của vợ chồng chị rất hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Anh chị đã ly thân từ tháng 11/2022 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có một con chung tên Khuru Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 29/8/2019. Hiện cháu Q đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Khuru Vĩnh Xuân T trình bày:

Về tình cảm: Anh thống nhất với nội dung trình bày của chị A về thời gian sống chung và đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh có mâu thuẫn với gia đình vợ. Nay chị A xin ly hôn, anh không đồng ý vì anh còn tình cảm với chị A, anh muốn gia đình đoàn tụ để cùng lo cho con.

Về con chung: Có một con chung như chị A trình bày. Do không đồng ý ly hôn nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Trong trường hợp Tòa án cho ly hôn, anh đồng ý để chị An tiếp tục nuôi cháu Quyên và anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, chị An vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Về nội dung, xét thấy mâu thuẫn giữa chị A và anh T là có thật, anh T yêu cầu được đoàn tụ nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị A về việc xin ly hôn với anh T và về việc nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T, giải quyết vấn đề con chung của anh chị. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại Điều 51 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn đang cư trú tại số 120 Ấp Bắc, Phường M, thành phố Q, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân thành phố Q có thẩm quyền giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[4] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị A, Tòa xét thấy: Tại phiên tòa, chị An trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về tài chính, việc nuôi dạy con nên cuộc sống hôn nhân của anh chị không hạnh phúc, thường

xuyên cụt cũi, anh chị đã ly thân từ tháng 11/2022 cho đến nay. Trong quá giải quyết vụ án, anh T thừa nhận giữa anh T với chị An và gia đình chị An có mâu thuẫn với nhau về chuyện nuôi dạy con; nay chị An xin ly hôn, anh T không đồng ý vì còn tình cảm với chị A, anh muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng lo cho con chung. Xét thấy, mâu thuẫn chị A và anh T là có thật, anh T không đồng ý ly hôn nhưng anh T không có biện pháp nào để giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm với chị A. Do đó, Tòa án xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị là trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của chị A, cho chị A được ly hôn với anh T.

[5] Về con chung: Xét thấy cháu Q đang sống ổn định với chị A. Do đó yêu cầu nuôi con chung của chị A là có cơ sở nên Tòa án chấp nhận.

[6] Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[7] Về nợ chung: Anh chị khai không có.

[8] Về án phí: Chị A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[9] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm xét thấy phù hợp với những nhận định trên nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Lê Thị A.

Về tình cảm: Chị Nguyễn Lê Thị A được ly hôn với anh Khuru Vĩnh Xuân T.

Về con chung: Giao cháu Khuru Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 29/8/2019 cho chị Nguyễn Lê Thị A được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Khuru Vĩnh Xuân T được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được quyền cản trở.

2. Án phí: Chị Nguyễn Lê Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0023090 ngày 02/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

3. Chị Nguyễn Lê Thị A có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Khuru Vĩnh Xuân T thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND thành phố Q;
- Chi cục THADS thành phố Q;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn (8b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Cao Thị Thu Thủy